

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Huy Dương, ông Phùng X Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Khuất Tiên P – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2025. Tại Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/11/2025 và thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị X, sinh năm: 1988 (Có mặt).

Số căn cước công dân: 001188034559, cấp ngày 25/04/2021.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 9, xã SH, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã SH, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Số căn cước công dân: 001084024918, cấp ngày 19/09/2024.

Địa chỉ: Thôn 9, xã SH, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bùi Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã SH, thành phố Hà Nội ngày 31/12/2010. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh P được mười năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, chị và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2025 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Văn Trường P, sinh ngày 14/9/2011, Nguyễn An C, sinh ngày 16/02/2016 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/12/2021. Khi Toà án giải quyết ly hôn, chị nhận nuôi cháu P và cháu S để lại cháu C cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, tài sản riêng: Chị X xác nhận không có.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/11/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn T khai như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị X kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã SH, thành phố Hà Nội, vợ chồng kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị X về sống với anh tại thôn 9, xã SH. Anh và chị X sống hạnh P với nhau đến tháng 2 hoặc tháng 3/2025 thì không biết lý do gì chị X ra thuê nhà ở riêng, anh đã nhiều lần khuyên bảo để chị X về nhà cùng anh nuôi dạy các con nhưng chị X không đồng ý. Nay chị X làm đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tha thiết mong muốn đoàn tụ. Nếu chị X cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị X có ba con chung như chị X trình bày là đúng, từ ngày vợ chồng sống ly thân, anh nuôi cả ba con. Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cả ba con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, tài sản riêng: Anh T cũng xác nhận không có.

** Tại phiên tòa hôm nay, sau khi trình bày và tranh luận, chị Bùi Thị X vẫn giữ quan điểm của mình:*

- Ý kiến của chị Bùi Thị X:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Chị X nhận nuôi cháu Nguyễn Văn Trường P và Nguyễn Linh S để lại cháu Nguyễn An C cho anh T nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, tài sản riêng: Chị X xác nhận không có.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không thể hiện quan điểm.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử cho chị X Được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Căn cứ điều kiện nuôi con, căn cứ nguyện vọng của các con chung đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

+ Giao cháu Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/12/2021 cho chị Bùi Thị X nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Nguyễn Văn Trường P, sinh ngày 14/9/2011 và cháu Nguyễn An C, sinh ngày 16/02/2016 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng.

Chị X, anh T được nuôi con chung đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị X và anh T đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Về tài sản chung: Chị X và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xét.

- Về tài sản riêng, nợ chung: Cả hai anh chị đều khai không có nên đề nghị HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Bùi Thị X làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn T, quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị X, anh T cùng có hộ khẩu thường trú tại xã SH, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo thay đổi lịch phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt thể hiện sự trốn tránh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SH, thành phố Hà Nội ngày 31/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Hai anh chị đã có chín năm chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo như chị X khai do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, theo như anh T khai thì không biết lý do gì chị X tự ý ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2025 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2025 hai anh chị đã thuận tình ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị X và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là Nguyễn Văn Trường P, sinh ngày 14/9/2011, Nguyễn An C, sinh ngày 16/02/2016 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/12/2021. Chị X nhận nuôi cháu P và cháu S để lại cháu C cho anh T nuôi dưỡng, anh T nhận nuôi cả ba con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị X và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì cả chị X và anh T đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi các con. Tuy nhiên nếu giao cả ba con chung cho chị X hoặc anh T nuôi dưỡng thì anh, chị sẽ gặp những khó khăn nhất định trong quá trình nuôi con. Xét về tâm sinh lý của các cháu thấy rằng, đối với cháu P, quá trình phát triển tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của bố, đối với cháu C và cháu S quá trình phát triển tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Xét

về nguyện vọng của các con thấy rằng, tại biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2025 cháu P thể hiện quan điểm, nguyện vọng ở với bố, cháu C có nguyện vọng ở với mẹ. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên để thuận tiện cho việc nuôi con cần giao cháu Nguyễn An C và Nguyễn Linh S cho chị Bùi Thị X nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn Trường P cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Chị X, anh T được nuôi con chung đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi. Sau khi ly hôn, chị X, anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị X và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị X và anh T đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Về tài sản chung: Chị X và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về tài sản riêng, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Trường P, sinh ngày 14/9/2011, Nguyễn An C, sinh ngày 16/02/2016 và Nguyễn Linh S, sinh ngày 16/12/2021.

- Giao cháu Nguyễn An C và Nguyễn Linh S cho chị Bùi Thị X nuôi dưỡng đến khi hai cháu C và S tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Giao cháu Nguyễn Văn Trường P cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến khi cháu P tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

Sau khi ly hôn, chị X, anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị X và anh T đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

4. Về tài sản riêng, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị X đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, Hà Nội ngày 14/10/2025 theo biên lai số 0011708.

6. Quyền kháng cáo:

- Chị Bùi Thị X được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 9, Hà Nội
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã SH, Hà Nội.
- Phòng THADS khu vực 9, Hà Nội.
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Duy Liệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Duy Liệu

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 9, Hà Nội
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã SH, Hà Nội.
- Phòng THADS khu vực 9, Hà Nội.
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Duy Liệu